

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 3 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 428/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, Quyết định thay đổi Thư ký Tòa án số 13/2024/QĐ-TĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 14/2024/QĐ-TĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: **Số C, tổ A, ấp B, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ liên hệ: **Số F, đường Đ, ấp F, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: **Số H, đường số G, thôn F, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Lâm Thị H** trình bày: Bà và ông **Trần Thanh L** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** ngày 14/5/2015, đăng ký kết hôn số 52, quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp; ông **L** không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu. Ông bà ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông **L**, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn ông **L**.

Về con chung, ông bà có 01 con chung là **Trần Lâm Công M**, sinh ngày 26/3/2015. Từ khi ly thân tới nay, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con **Trần Lâm Công M**; yêu cầu ông **L** phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông **Trần Thanh L** trình bày: Ông thống nhất với bà **H** về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà phát sinh một số mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp. Ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 8/2023 đến nay. Nếu bà **Hoa cương q** ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung, ông bà có 01 con chung là **Trần Lâm Công M**, sinh ngày 26/3/2015. Ông đồng ý giao cho bà **H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Lâm Công M**. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay, ông chỉ đang làm thuê, kiếm thu nhập qua ngày, không có công việc ổn định, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, nếu ông bà không tự thoả thuận được thì sau này ông sẽ làm đơn khởi kiện.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thoả thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho bà **Lâm Thị H** ly hôn ông **Trần Thanh L**. Giao con **Trần Lâm Công M** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông **L** phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà **Lâm Thị H** và ông **Trần Thanh L** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** ngày 14/5/2015, đăng ký kết hôn số 52, quyển số 01/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà **H** đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, ông **L** cũng trình bày nếu bà **Hoa cương q** ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho bà **H** ly hôn ông **L** là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là **Trần Lâm Công M**, sinh ngày 26/3/2015. Từ khi ly thân tới nay, bà **H** là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu **M**. Thấy rằng, cả ông **L** và bà **H** đều thống nhất giao cháu **M** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng và cháu **M** cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu **M** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà **H** yêu cầu ông **L** phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **L** cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Vì vậy, cần công nhận sự thoả thuận trên, buộc ông **L** phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, bà **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà **H** là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn. Ông **L** là người phải cấp dưỡng nên phải chịu án phí DSST về cấp dưỡng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà **Lâm Thị H** ly hôn ông **Trần Thanh L**.

- Về con chung: Bà **Lâm Thị H** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con **Trần Lâm Công M**, sinh ngày 26/3/2015. Ông **Trần Thanh L** phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, bà **H** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi

thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí DSST:

Bà **Lâm Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà **H** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017592 ngày 10 tháng 10 năm 2023. Bà **H** đã nộp đủ án phí DSST.

Ông **Trần Thanh L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã X, h. H,
Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa